

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG
THÁI NGUYÊN
Số: 841/BCB - BVTWTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên
Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 225/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Địa chỉ: số 479 đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS Nguyễn Công Hoàng

Điện thoại: 0913394495; Email: giapson2000@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên công bố đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo đúng quy định cơ sở thực hành với một số chuyên ngành đào tạo cụ thể như sau:

1. Các chuyên ngành đào tạo thực hành công bố: Bác sĩ Nội trú Tai mũi họng; Bác sĩ Nội trú Gây mê hồi sức; Bác sĩ Nội trú Hóa sinh y học; Chuyên khoa cấp II Gây mê hồi sức (phụ lục 1).
 2. Trình độ đào tạo thực hành: sau đại học (phụ lục 1).
 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) tại một thời điểm của năm 2023 (phụ lục 1).
 4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (phụ lục 2).
 5. Danh sách các trung tâm/khoa/phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc tại mỗi khoa phòng (phụ lục 2).
 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (phụ lục 3).
- Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.✓

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



PGS.TS. NGUYỄN CÔNG HOÀNG

Phụ lục 3:

**DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
I. NGOẠI KHOA (Áp dụng cho các đối tượng TH tại các khoa Ngoại)			
1	Phòng học	7	
2	Máy tính (laptop)	7	
3	Máy chiếu	7	
4	Bàn mổ	25	
5	Bộ đặt khí quản điều khiển ALLGAIER	5	
6	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	10	
7	Bộ kéo nắn chỉnh xương TRUMPF	1	
8	Bơm CO2	5	
9	Bơm tiêm điện	30	
10	Camera	10	
11	Dao hàn mạch máu bằng siêu âm COVIDIEN	1	
12	Dao mổ điện	25	
13	Giường bệnh	285	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
14			
II. NỘI KHOA (Áp dụng cho các đối tượng TH tại các khoa Nội)			
1	Phòng học	6	
2	Máy tính (laptop)	6	
3	Máy chiếu	6	
4	Bộ đặt nội khí quản	10	
5	Bộ nội soi ống mềm	2	
6	Máy thở	30	
7	Máy thận nhân tạo	41	
8	Xe tiêm	25	
9	Bơm tiêm điện	79	
10	Mô hình đặt Nội khí quản	2	
11	Mô hình tiêm truyền	5	
12	Giường bệnh	320	
13			
III. KHOA HÓA SINH (Áp dụng cho các đối tượng TH tại các khoa hệ xét nghiệm)			
1	Phòng học	3	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
2	Máy tính (laptop)	3	
3	Máy chiếu	3	
4	Đèn chiếu vàng da FISHER	2	
5	Đèn chiếu vàng da Lullaby	20	
6	Máy định nhóm máu tự động	1	
7	Máy định nhóm máu gắn từ	1	
8	Máy tách tế bào máu TRIMA	2	
9	Máy đọc Card CR-1800	1	
10	Máy đếm tế bào máu CELLTAC	2	
11	Máy ADDIVIA 2120I	2	
12	Máy máu lắng IRIA	2	
13	Máy miễn dịch hóa phát quang VITROS 3600	1	
14	Máy XNBM	3	
15	Máy điện di huyết sắc tố Minicap Flex	1	
16	Máy đếm tế bào dòng chảy FC500	1	
17	Tủ an toàn sinh học cấp II	2	
18	Tủ thao tác PCR	2	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
19	Máy ly tâm lạnh	2	
20	Máy quang phổ UV/Vis	1	
21	Hệ thống ly trích tự động	1	
22	Máy tách chiết acid nucleic tự động	1	
23	Tủ bảo quản hóa chất	2	
24	Tủ bảo quản mẫu	1	
25	Máy ly tâm	1	
26	Tủ lạnh bảo quản hóa chất	1	
27	Máy Realtime PCR 5 kênh màu	1	
28	Máy khuếch đại gen	1	
29	Máy PCR	1	
30	Máy điện di	1	
31	Cân tiểu ly	1	
32	Tủ lạnh âm sâu	2	
33	Nồi hấp ướ	1	
34	Máy xét nghiệm miễn dịch Labscan 3D Luminex	1	
35	Victor 2D Multilable Counter	1	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
36	Máy ly tâm rotor 24 góc	1	
37	Pipet 100- 1000 µl	6	
38	Pipet 10- 100 µl	8	
39	Pipet 0.5- 10 µl	7	
40	Pipet 20- 200 µl	7	
41	Nhiệt kế tủ lạnh	7	
42	Nhiệt kế- ẩm kế treo tường	8	
43	Pipet đa kênh 10- 100 µl	2	
44	Pipet đa kênh 30- 300 µl	2	
45	Hệ thống tách chiết, Realtime PCR tự động	1	
46	Tủ bảo quản hóa chất (tủ âm 70°C)	1	
47	Hệ thống Real- time (7500 fast Dx)	1	
48	Hệ thống tách chiết DNA/ RNA	1	
49	Tủ thao tác PCR	2	
50	Tủ ATSH cấp 2 (LAMSAFE)	1	
51	Máy spin down	2	
52	Máy Vortex	1	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
53	Máy sinh hóa tự động AU 640	1	
54	Máy sinh hóa tự động AU 480	1	
55	Máy sinh hóa tự động AU 5800	1	
56	Máy sinh hóa tự động AU 400	1	
57	Máy MD CENTAUXPT	1	
58	Máy MD ARCHITECT 2000	1	
59	Máy MD LAIZON XL	1	
60	Máy MD DXI	2	
61	Máy MD E601	1	
62	Máy HbA1C 9210	3	
63	Máy Nước tiểu ADVANTUS	1	
64	Máy Nước tiểu NOVOS	1	
65	Máy Nước tiểu COBAS	1	
66			
III. SẢN KHOA (Áp dụng cho các đối tượng TH tại các khoa Sản)			
1	Phòng học	2	
2	Máy tính (laptop)	2	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
3	Máy chiếu	2	
4	Bộ dụng cụ Sản khoa	30	
5	Bàn đẻ	20	
6	Giường sưởi đa năng GE lullaby	25	
7	Giường bệnh	110	
8	Xe tiêm	4	
9	Mô hình sản khoa	2	
11	Máy thở	6	
12	Lồng ấp sơ sinh	6	
13			
IV. CHUYÊN KHOA LỄ (Áp dụng cho các đối tượng TH tại các chuyên khoa lễ)			
1	Phòng học	6	
2	Máy tính (laptop)	6	
3	Máy chiếu	6	
4	Bộ bàn ghế khám tai mũi họng	4	
5	Máy nội soi, Bộ nội soi tai mũi họng	5	
6	Bộ soi treo thanh quản	1	
7	Bơm tiêm điện	1	
8	Đèn hồng ngoại 3 bóng	2	
9	Đèn soi đáy mắt	2	
10	Ghế răng	10	
11	Kính hiển vi phẫu thuật	1	
12	Máy A DEC	2	
13	Máy chụp HQ đáy mắt	1	
14	Máy điện phân	6	
15	Máy điều trị chân không	4	
16	Máy điều trị xung điện	2	
17	Máy đo ZAVAI	1	
18	Phòng học	250	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
19			
V. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (Áp dụng cho các đối tượng TH tại các khoa CĐHA và Thăm dò chức năng)			
1	Phòng học	2	
2	Máy tính (laptop)	2	
3	Máy chiếu	2	
4	Màn chiếu	2	
5	Âm thanh (bộ)	2	
6	Máy X-Quang	8	
7	Máy siêu âm	10	
11	Máy chụp mạch ARTIS ZEE FLOOR	1	
12	Máy CT	2	
13	Máy XQ Siemens TSTH	1	
14	Máy siêu âm xách tay BETTIUS FUKUDA UF-450AX	1	
15	Máy CT Somatom Scope	1	
16	Tấm phim XQ KTS	2	
17	Máy City Semens SOMATOM Emotion	1	
18	Máy Cộng hưởng từ	1	
19			
VI. GÂY MÊ HỒI SỨC (Áp dụng cho các đối tượng TH tại khoa GMHS và các khoa có can thiệp liên quan)			
1	Khoan xương chạy pin	3	
2	Hệ thống nội soi phẫu thuật	3	
3	Màn hình	3	
4	Đầu Camera	3	
5	Nguồn sáng lạnh	3	
6	Bơm CO2	3	
7	Hệ thống hình ảnh full HD	2	
8	Bộ dụng cụ nội soi khớp	1	
9	Bộ dụng cụ cấp cứu chấn thương	1	
10	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên chi dưới	1	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
11	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi mũi họng	1	
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật RHM	1	
13	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa nội soi	1	
14	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim mạch	1	
15	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày	1	
16	Bộ dụng cụ chuyên khoa u bướu	1	
17	Bộ dụng cụ phẫu thuật túi mật	1	
18	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiểu phẫu	1	
19	Bộ dụng cụ phẫu thuật chung	1	
20	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	1	
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực	1	
22	Bộ dụng cụ phẫu thuật ruột thừa	1	
23	Bộ dụng cụ phẫu thuật chỉnh hình	1	
24	Bộ dụng cụ mở khí quản	1	
25	Bộ dụng cụ mổ đẻ	1	
26	Bộ dụng cụ vi phẫu mạch máu	1	
27	Bộ dụng cụ sẻ lạnh niệu đạo cho tiết niệu	1	
28	Bộ dụng cụ khoan sọ não	1	
29	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi (Nhi)	1	
30	Bộ dụng cụ cắt tử cung bán phần	2	
31	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa ngực nhi	2	
32	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực nhi	2	
33	Bộ dụng cụ cắt tử cung bán phần	2	
34	Bộ dụng cụ nâng xương ức	1	
35	Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng nhi	1	
36	Bộ dụng cụ nội soi tiết niệu nhi	1	
37	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu nhi	1	
38	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa nhi	1	
39	Bộ dụng cụ phẫu thuật niệu đạo nhi	1	
40	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	1	
41	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiết niệu	1	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
42	Bộ đặt nội khí quản trẻ em	1	
43	Bộ đặt nội khí quản có điều khiển	1	
44	Máy thổi không khí ẩm 3M	2	
45	Máy phun khử khuẩn môi trường	1	
46	Bộ nội soi TMH	1	
47	Giường sưởi sơ sinh	1	
48	Máy phun sương khử trùng không khí	2	
49	Máy theo dõi bệnh nhân 8 thông số	2	
50	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	18	
51	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số	4	
52	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số	4	
53	Máy khí máu	2	
54	Máy tạo nhịp tạm thời	1	
55	Hệ thống tim phổi nhân tạo	1	
56	Máy chống rung tim	1	
57	Tủ sấy	2	
58	Bồn rửa tay vô trùng	6	
59	Dao mổ điện (Lase CO2)	1	
60	Dao mổ điện (Cao tần)	7	
61	Dao mổ điện	9	
62	Dao mổ siêu âm	1	
63	Dao hàn mạch máu bằng siêu âm	1	
64	Máy thở	6	
65	Máy thở xâm nhập có điều khiển	4	
66	Máy khoan răng	1	
67	Máy khoan cửa xương ức	1	
68	Máy khoan hơi (bộ dụng cụ)	2	
69	Hệ thống khoan sọ não dùng nén khí	1	
70	Đèn mổ di động	2	
71	Đèn mổ 1 cần	6	
72	Đèn mổ 2 cần	5	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
73	Đèn mổ led treo trần 2 chóa	3	
74	Máy gây mê kèm thở	11	
75	Máy gây mê trẻ em	2	
76	Máy truyền dịch	11	
77	Bơm tiêm điện	53	
78	Màn hình chuyên dụng AMVX	1	
79	Máy hút dịch 2 bình	5	
80	Máy hút dịch áp lực thấp	5	
81	Bàn mổ đa năng	8	
82	BÀN MỔ CÓ CHẴN SƯỜI	2	
83	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	3	
82	Máy đo ETCO2	1	
83	Máy tán sỏi laser	1	
84	Chăn sưởi	1	
85	Khung phẫu thuật sọ não	1	
86	Tay vén sọ não	1	
87	Bộ đặt nội khí quản có camera (Dụng cụ hỗ trợ đặt nội phế quản khó)	1	
88	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	
89	Hệ thống điều trị khối u bằng vi sóng	1	
90	Máy siêu âm đen trắng sách tay (Siêu âm dẫn đường)	1	
91	Monitor 5 thông số	16	
92	Máy thở sách tay có kèm van PEEP	1	
93	Đèn mổ led di động	2	
94	Máy thổi không khí ẩm 3M	1	
95	Bơm tiêm giảm đau	10	
96	Máy khí máu	1	
97	Máy xử lý không khí	1	
98	Đèn đặt nội khí quản có camera	1	
99	Máy thở xâm nhập	4	
100	Bộ nội soi phẫu thuật	1	

STT	Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
101	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	2	
102	Máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê	2	
103	Hệ thống làm ẩm thở Oxy dòng cao - HFNC	5	
104	Máy thở chức năng cao	9	
105	Hệ thống PT nội soi ổ bụng kèm bộ dụng cụ	1	
106	Máy siêu xách tay (có chức năng dò thần kinh, mạch máu)	1	
107	Đèn mổ treo trần 2 chóa ≥ 160.000 lux	2	
108	Dao hàn mạch kèm dao mổ điện cao tần và dao siêu âm	1	
109	Dao lấy da	1	
110	Dao khía da mắt lưới	1	
111	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên	2	
112	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi dưới	2	
113	Bộ dụng cụ phẫu thuật bàn tay	1	
114	Bộ dụng cụ phẫu thuật sọ não - cột sống	1	
115	Bộ dụng cụ phẫu thuật mổ mở cắt bỏ tuyến giáp	1	
116	Máy khoan xương dùng pin đa năng trong mổ chỉnh hình	10	
117	Bộ khoan sọ não - cột sống	1	
118	Đèn mổ treo trần 2 chóa	5	
119	Phòng học	1	
120	Máy tính (laptop)	1	
121	Máy chiếu	1	
122			



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. NGUYỄN CÔNG HOÀNG

Phụ lục 2:

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

Stt	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu cần thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
I. BÁC SỸ NỘI TRÚ										
1. BÁC SĨ NỘI TRÚ HÓA SINH Y HỌC										
1	Nguyễn Thu Giang	Thạc sĩ	Sinh Hóa	Số 004987/BYT-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm sinh hóa	17	Sinh hóa	Xét nghiệm sinh hóa	Sinh hóa	0
2	Lê Thị Minh Hiền	BSCKII	Hoá sinh y học	Số 0020641/BYT-CCHN	Hoá sinh y học	11	Hoá sinh	Hoá sinh	Hoá sinh	0
3	Vũ Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Số 029036/BYT-CCHN	Xét nghiệm	9	Hoá sinh lâm sàng	Hoá sinh lâm sàng	Xét nghiệm	0

Stt	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu cần thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Thị Hải Yến	Thạc sĩ	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Số 029623/BYT-CCHN	Xét nghiệm	9	Hoá sinh lâm sàng	Hoá sinh lâm sàng	Xét nghiệm	0
5	Phạm Thị Thu Khuyên	Thạc sĩ	Huyết học	Số 005008/BYT-CCHN	Chuyên khoa kỹ thuật viên Xét nghiệm	19	Huyết học	Huyế học	Xét nghiệm	0

2. BÁC SĨ NỘI TRÚ TẠI MŨI HỌNG

1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BSCKII	Chuyên khoa Tai mũi họng	0015552/BYT-CCHN	Chuyên khoa Tai mũi họng	14	Tai Mũi họng	Thực hành Chẩn đoán tai mũi họng	Tai mũi họng	5
2	Nguyễn Toàn Thắng	BSCKII	Chuyên khoa Tai mũi họng	0025787/BYT-CCHN	Chuyên khoa Tai mũi họng	14	Tai Mũi họng	Thực hành Chẩn đoán tai mũi họng	Tai mũi họng	5
3	Đàm Thanh Mai	Thạc sĩ	Chuyên khoa Tai mũi họng	Số 00499/BYT-CCHN	Chuyên khoa TMH	14	Chẩn đoán Tai mũi họng	Thực hành Chẩn đoán Tai Mũi Họng	Tai Mũi Họng	5

Stt	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu cần thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Trần Vương	Thạc sĩ	Chuyên khoa ung bướu	Ung bướu	Khám, chữa bệnh Ung bướu	14	Ung thư	Khám điều trị chuyên khoa Ung bướu	Trung tâm Ung bướu Thái Nguyên	5
5	Bùi Thị Ngọc Hà	BSCKI	Chuyên khoa Mắt	Mắt	Khám, chữa bệnh Mắt	12	Mắt	Khám điều trị chuyên khoa Mắt	Mắt	5
6	Nguyễn Thanh Loan	BSCKI	Chuyên khoa Răng hàm mặt	RHM	Khám, chữa bệnh Răng hàm mặt	5	Răng hàm mặt	Thực hành khám, chữa bệnh Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	5
7	Nguyễn Thị Khánh	Thạc sĩ	Chuyên khoa Nội Thần kinh	CK Nội Thần kinh	Khám, chữa bệnh Nội Thần kinh	14	Thần Kinh	Thần Kinh	Khoa thần kinh	5

3. BÁC SĨ NỘI TRÚ GÂY MÊ HỒI SỨC

1	Nguyễn Thị Kim Oanh	BSCKI	GMHS	Số 004937/BYT-CCHN	GMHS	12	Chuyên khoa GMHS	Thực hành chẩn đoán GMHS	GMHS	5
---	---------------------	-------	------	--------------------	------	----	------------------	--------------------------	------	---

Stt	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu cần thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
2	Đào Thị Hương	<u>THs</u>	GMHS	Số 001264/TNG/CCHN	Chuyên khoa GMHS	17	CK GMHS	GMHS	Khoa GMHS	5
3	Đàm Thanh Huyền	BSCKI	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Số 038188/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	6	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	0
4	Trần Thị Loan	Tiến sĩ	Dược	Số 646/TNG-CCHND	Dược	11	Sử dụng thuốc điều trị	Sử dụng thuốc điều trị	Dược	0
5	Hoàng Văn Hiến	BSCKI	Chuyên khoa Ngoại	Số 030580/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	6	Ngoại khoa	Khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại	5
6	Phạm Văn Khang	BSCKI	HSTC-CĐ	Số 0002745/TNG/CCHN	Chuyên khoa CCCĐ-HSTC	6	CK HSTC-CĐ	HSTC-CĐ	Khoa HSTC-CĐ	5

Stt	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu cần thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
II. BÁC SỸ CHUYÊN KHOA CẤP II										
1. CHUYÊN KHOA CẤP II GÂY MÊ HỒI SỨC										
1	Nguyễn Văn Chung	Tiến sĩ	Chuyên Khoa ngoại TH-GM, Ngoại Nhi, Ngoại TK	Số 0018938/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	27	Ngoại khoa	Khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại TH-GM, Ngoại Nhi, Ngoại TK	5
2	Hoắc Công Sơn	BSCCKII	Chuyên Khoa ngoại TH-GM, Ngoại Nhi, Ngoại TK	Số 0018566/BYT-CCHN	Khám, chữa bệnh Ngoại khoa	12	Ngoại khoa	Khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa ngoại TH-GM, Ngoại Nhi, Ngoại TK	5
	Phạm Thị Lan	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức	số 0012347/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	13	Gây mê hồi sức	Thực hành vô cảm, Hồi sức, chống đau	Gây mê hồi sức	5
3	Nguyễn Kiều Giang	Tiến sĩ	Huyết học	Số 0012385/BYT-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm huyết học truyền máu	17	Huyết học	Xét nghiệm huyết học	Huyết học	0

Stt	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu cần thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Thế Tùng	Tiến sĩ	Huyết học	Số 00187/BYT-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm huyết học truyền máu	17	Huyết học	Xét nghiệm huyết học	Huyết học	0
5	Lê Hùng Vương	BSCKII	Nội khoa	số 004921/BYT-CCHN	Chuyên khoa chữa bệnh HSTC-CĐ	25	Chẩn đoán HSTC-CĐ	Thực hành Chẩn đoán HSTC-CĐ	Khoa HSTC-CĐ	5
6	Lương Hoàng Nguyên	BSCKII	Sản khoa	số 004985/BYT-CCHN	Chuyên khoa chữa bệnh Sản phụ khoa	16	Chẩn đoán Sản phụ khoa	Thực hành Chẩn đoán Sản Phụ khoa	Khoa Sản phụ khoa	5



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. NGUYỄN CÔNG HOÀNG

Phụ lục 1:

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2023

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN
(Tại 1 thời điểm)

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
I. BÁC SỸ NỘI TRÚ													
1	NT 62 72 04 01	BSNT	Hóa sinh y học	Hóa sinh	Hóa sinh	Hóa sinh y học	2	2	10	0	0	0	10
				Huyết học truyền máu	Huyết học truyền máu	TT Huyết học	1	1	5	0	0	0	5
				Sinh học phân tử	Sinh học phân tử	Sinh học phân tử - miễn dịch di truyền	2	2	10	0	0	0	10

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	NT 62 72 53 01	BSNT	TMH	Tai mũi họng	Tai mũi họng	Tai mũi họng	3	3	15	5	15	0	15
				Ung thư	Ung thư	TT Ung Bướu	1	1	5	5	15	0	5
				Mắt	Mắt	Mắt	1	1	5	5	15	0	5
				Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	1	1	5	5	15	0	5
				Thần kinh	Thần kinh	Thần kinh	1	1	5	5	15	0	5

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	NT 62 72 33 01	BSNT	GMHS	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	2	2	10	5	15	0	10
				Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	1	1	5	0	0	0	5
				Dược	Dược LS	Dược	1	1	5	0	0	0	5
				Chấn thương Chỉnh hình	Chấn thương Chỉnh hình	Chấn thương Chỉnh hình	1	1	5	5	15	0	5
				Hồi sức tích cực - Chống độc	Hồi sức tích cực - Chống độc	Hồi sức tích cực - Chống độc	1	1	1	5	15	0	5

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
-----	------------	----------	--------------------	---	------------------	----------------	---------------------------------	--------------------------	-----------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	-------------------	---------------------------

II. TRÌNH ĐỘ: CHUYÊN KHOA II

1	CK 62 72 33 01	Chuyên khoa II	GMHS	Cấp cứu Ngoại	Cấp cứu Ngoại	Ngoại TH-GM, Ngoại TK, Ngoại Nhi	2	2	10	5	15	0	10
				Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	1	1	5	5	15	0	5
				Huyết học truyền máu	Huyết học truyền máu	TT Huyết học	2	2	10	0	0	0	5
				Hồi sức tích cực - Chống độc	Hồi sức tích cực - Chống độc	Hồi sức tích cực - Chống độc	1	1	1	5	15	0	5
				Sản khoa	GMHS Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	1	1	1	5	15	0	5



PGS.TS. NGUYỄN CÔNG HOÀNG